Vietnam Tariff Intelligence

HS 9818.11 detail

HS code	9818.11
Description	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Các sản phẩm bằng cao su xốp:
Unit	
Generated	05/11/2026 03:42:01
Data version	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Verification status	Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.
Link	https://vietnamtariff.com/hs-code/981811/

2 tariff lines under 9818.11

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9818.11.10	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Các sản phẩm bằng cao su xốp: / - - Nắp chụp cách điện		5%	0%	No data
9818.11.90	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Các sản phẩm bằng cao su xốp: / - - Loại khác		5%	0%	No data

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.